



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 5

Số 42 (01/5/2008)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
---------------	--------------------	-------

THÀNH PHỐ

- | | | |
|-----------|--|----|
| 10-4-2008 | Quyết định số 1660/QĐ-UBND ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái bố trí khi di dời các thương nhân bán buôn thịt tại chợ Hóc Môn - huyện Hóc Môn và chợ Bà Nai - quận 12. | 3 |
| 11-4-2008 | Quyết định số 31/2008/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý, dạy nghề và giải quyết việc làm đối với người sau cai nghiện ma túy. | 15 |
| 14-4-2008 | Quyết định số 1688/QĐ-UBND về duyệt nhiệm vụ quy hoạch đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu C30 thuộc phường 14, quận 10 và phường 6, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. | 21 |

HUYỆN CẦN GIỜ

08-4-2008 - Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ban hành Quy trình thực hiện đầu tư - xây dựng cơ bản đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ.

THÀNH PHỐ**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1660/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái bố trí khi di dời
các thương nhân bán buôn thịt tại chợ Hóc Môn - huyện Hóc Môn
và chợ Bà Nai - quận 12****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính Phủ về phát triển và quản lý chợ;

Căn cứ Quyết định số 83/2003/QĐ-UB ngày 20 tháng 5 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại trong công tác di dời 10 (mười) chợ bán buôn nông sản thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 2449/QĐ-UB ngày 03 tháng 7 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành chính sách áp dụng cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể phải di dời từ 10 chợ nông sản thực phẩm nội thành đến kinh doanh tại ba chợ đầu mối nông sản thực phẩm ở huyện Hóc Môn, quận Thủ Đức và quận 8;

Căn cứ Quyết định số 5505/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về bổ sung giải tỏa di dời chợ bán buôn thịt trên địa bàn thành phố;

Xét đề nghị của Sở Tài chính và Sở Thương mại tại Tờ trình số 3438/TTr-TC-TM ngày 04 tháng 4 năm 2008 về bồi thường, hỗ trợ và tái bố trí khi di dời các thương nhân bán buôn thịt tại chợ Hóc Môn - huyện Hóc Môn và chợ Bà Nai - quận 12,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái bố trí khi di dời các thương nhân bán buôn thịt tại chợ Hóc Môn - huyện Hóc Môn và chợ Bàu Nai - quận 12.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau mười (10) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở Tài chính, Sở Thương mại, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông Công chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tư pháp, Công an thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 12, huyện Hóc Môn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức khác, các hộ kinh doanh tại các chợ phải di dời có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hồng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về bồi thường, hỗ trợ và tái bố trí khi di dời các thương nhân
bán buôn thịt tại chợ Hóc Môn - huyện Hóc Môn và chợ Bàu Nai - quận 12**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1660/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG VÀ CHÍNH SÁCH BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Điều 1. Phạm vi, đối tượng được tính bồi thường, hỗ trợ

1. Phạm vi: chợ thịt Hóc Môn - huyện Hóc Môn và chợ Bàu Nai - quận 12.
2. Đối tượng: Tổ chức, cá nhân bán buôn thịt tại chợ Hóc Môn - huyện Hóc Môn và chợ Bàu Nai - quận 12 thuộc danh sách phải di dời vào chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn, cụ thể:
 - Cán bộ, Công nhân viên thuộc Ban Quản lý chợ.
 - Các bộ phận phục vụ khác: Cân hàng hóa, bốc xếp, thu viên.
 - Các hộ có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhưng có thời gian trực tiếp kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước và có mã số thuế.
 - Các tổ chức có địa điểm bán buôn thịt trong khuôn viên chợ.

Điều 2. Bồi thường, hỗ trợ về đất

Chợ thịt Hóc Môn - huyện Hóc Môn và chợ Bàu Nai - quận 12 được xây dựng trên đất công cộng do Nhà nước trực tiếp quản lý hoặc xây dựng trên đất do Nhà nước đã giao cho đơn vị của Nhà nước hoặc cho Ban Quản lý chợ quản lý và không phải nộp tiền sử dụng đất, nên khi Nhà nước thu hồi sẽ không tính bồi thường, không tính hỗ trợ về đất.

Điều 3. Bồi thường, hỗ trợ về giá trị xây dựng nhà lồng chợ, quầy sạp và tài sản khác

1. Đối với giá trị xây dựng nhà lồng chợ, quầy sạp:

a) Tính bồi thường như sau:

- Xác định theo đơn giá xây dựng mới quy định tại Quyết định số 5184/QĐ-UB-KT ngày 09 tháng 11 năm 1996 và Quyết định số 15/2001/QĐ-UB ngày 23 tháng 02 năm 2001 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành bảng giá chuẩn tối thiểu trị giá nhà để tính lệ phí trước bạ, nhân với hệ số 1,2 lần.

- Xác định theo giá trị quyết toán công trình.

b) Đối với các quầy sạp, nhà lồng chợ và tài sản khác do các đơn vị, tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng, không thể tháo rời và di chuyển thì tính bồi thường cho chủ đầu tư. Trường hợp có thể tháo dỡ và di chuyển được, thì chỉ tính bồi thường chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt lại và thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt lại.

c) Đối với các quầy sạp, nhà lồng chợ và tài sản khác được đầu tư bằng nguồn vốn thuộc ngân sách nhà nước: không tính bồi thường.

d) Giá trị bồi thường các quầy sạp, nhà lồng chợ xây dựng trên đất được xác định theo hiện trạng bằng tỷ lệ (%) giá trị còn lại nhân với đơn giá xây dựng mới.

đ) Về giá trị thanh lý thu hồi của quầy sạp, nhà lồng chợ sau khi bồi thường giao Ban Chỉ đạo di dời chợ của các quận, huyện xem xét giải quyết theo nguyên tắc:

- Đối với các quầy sạp thì sau khi đã nhận tiền bồi thường chủ sở hữu tài sản phải tự tháo dỡ, bàn giao mặt bằng cho Ban Chỉ đạo di dời chợ và được sử dụng toàn bộ vật liệu thu hồi sau khi tháo dỡ.

- Lập phương án xử lý vật liệu thu hồi và tổ chức bán thanh lý thu tiền nộp ngân sách thành phố đối với tài sản do ngân sách thành phố đầu tư hoặc nộp vào ngân sách quận, huyện đối với tài sản do ngân sách quận, huyện đầu tư những tài sản thu hồi có giá trị lớn như nhà lồng chợ.

2. Tài sản khác được áp dụng mức bồi thường như sau:

- Điện thoại (thuê bao): 1.500.000 đồng/cái. Trường hợp di dời thì tính theo giá di dời của Công ty Điện thoại thành phố.

- Đồng hồ điện chính (thuê bao): 900.000 đồng/cái. Trường hợp di dời thì tính theo giá di dời của Công ty Điện lực thành phố.

- Đồng hồ điện phụ (câu lại): 500.000 đồng/cái.
- Đồng hồ nước (thuê bao): 2.000.000 đồng/cái.
- Giếng nước khoan:
 - 1.500.000 đ/giếng (sâu dưới 30m/giếng);
 - 3.000.000 đ/giếng (sâu từ 30m đến dưới 50m/giếng);
 - 5.000.000 đ/giếng (sâu từ 50m/giếng trở lên);
- Giếng nước đào thủ công: 80.000đ/m sâu.

3. Các công trình hạ tầng kỹ thuật:

Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật (đèn đường, cáp điện thoại, đường điện, đường cấp thoát nước...) sẽ áp dụng phương án di dời cụ thể cho từng trường hợp. Phương án di dời và bồi thường thiệt hại do đơn vị quản lý trực tiếp công trình đó lập theo định mức kinh tế kỹ thuật chuyên ngành, thông qua cơ quan có thẩm quyền xét duyệt theo quy định hiện hành (mức bồi thường thiệt hại bằng giá trị xây dựng mới của công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với công trình bị phá dỡ).

Điều 4. Bồi thường về giá trị quyền sử dụng quầy, sạp

Đối với các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân kinh doanh tại các chợ phải di dời có hợp đồng thuê quyền sử dụng quầy, sạp kinh doanh còn hiệu lực và đã trả trước tiền thuê thì được hoàn trả lại số tiền thuê quyền sử dụng quầy, sạp kinh doanh trên cơ sở giá thuê và thời gian sử dụng quầy sạp còn lại theo hợp đồng. Số tiền hoàn trả này do cơ quan cho thuê quyền sử dụng quầy sạp chi trả.

Điều 5. Các khoản hỗ trợ khác

1. Hỗ trợ ngừng việc: Đối với cán bộ, công nhân viên của Ban Quản lý chợ và bộ phận phục vụ khác đang hoạt động tại các chợ phải di dời, Ủy ban nhân dân quận 12, huyện Hóc Môn tạo điều kiện bố trí lại nơi làm việc khác. Trường hợp nếu không có điều kiện để bố trí hoặc phải ngừng việc để chờ bố trí lại nơi làm việc khác thì giải quyết chính sách ngừng việc, nghỉ việc theo quy định như sau:

- a) Trường hợp nghỉ việc thì giải quyết theo chế độ hiện hành.
- b) Trường hợp ngừng việc trong thời gian di dời chợ:

- Đối với cán bộ, công nhân viên của Ban Quản lý chợ và các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp khác đang kinh doanh tại các chợ phải di dời: hỗ trợ tiền lương theo chế độ hỗ trợ ngừng việc (bằng 70% lương thực tế) cho số cán bộ, công nhân viên

làm việc tại địa điểm trực tiếp sản xuất kinh doanh phải di chuyển trong 03 tháng. Căn cứ vào bảng trả lương của bộ phận này của bình quân 06 tháng trước đó, không tính hỗ trợ đối với cán bộ, công nhân viên hưởng lương từ ngân sách nhà nước và lao động hợp đồng ngắn hạn, thời vụ.

- Đối với bộ phận phục vụ khác: Hỗ trợ một lần 1.000.000 đồng/lao động, theo danh sách do Ủy ban nhân dân quận - huyện phê duyệt.

2. Hỗ trợ thiệt hại do ngừng kinh doanh:

a) Đối với các hộ có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh còn hiệu lực và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước:

Căn cứ doanh thu bình quân của các tháng trong năm gần nhất theo số liệu do Chi cục Thuế quận, huyện cung cấp, các hộ được hỗ trợ như sau:

- Hộ có doanh thu dưới 2.000.000 đồng/tháng: được hỗ trợ 1.000.000 đồng/hộ.

- Hộ có doanh thu từ 2.000.000 đồng/tháng đến dưới 4.000.000 đồng/tháng: được hỗ trợ 2.000.000 đồng/hộ.

- Hộ có doanh thu từ 4.000.000 đồng/tháng đến dưới 6.000.000 đồng/tháng: được hỗ trợ 3.000.000 đồng/hộ.

- Hộ có doanh thu từ 6.000.000 đồng/tháng đến dưới 8.000.000 đồng/tháng: được hỗ trợ 5.000.000 đồng/hộ.

- Hộ có doanh thu từ 8.000.000 đồng/tháng đến 10.000.000 đồng/tháng: được hỗ trợ 7.000.000 đồng/hộ.

- Hộ có doanh thu trên 10.000.000 đồng/tháng đến 15.000.000 đồng/tháng: được hỗ trợ 8.000.000 đồng/hộ.

- Hộ có doanh thu trên 15.000.000 đồng/tháng: được hỗ trợ 10.000.000 đồng/hộ.

b) Đối với các hộ có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hết hiệu lực đã xin đăng ký lại nhưng không được vì chợ phải di dời, có thời gian trực tiếp kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước và có mã số thuế: được tính mức hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ quy định tại điểm a khoản này.

3. Thưởng: Đối với các hộ tiểu thương đang kinh doanh tại chợ thịt Hóc Môn và chợ Bàu Nai, quận 12 phải di dời, chấp hành tốt chủ trương, chính sách và kế hoạch di dời bàn giao mặt bằng được thưởng một lần bằng tiền với mức không quá 5.000.000 đồng/hộ, cụ thể như sau:

- Di dời và bàn giao mặt bằng trước hoặc đúng thời hạn quy định: thưởng 5.000.000 đồng/hộ.
- Di dời và bàn giao mặt bằng sau thời hạn quy định: không thưởng.

Chương II

CHÍNH SÁCH NƠI ĐẾN

Điều 6. Đối tượng được hưởng chính sách nơi đến

1. Đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi: Các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể đang kinh doanh tại chợ thịt Hóc Môn và chợ Bàu Nai, quận 12 có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhưng có thời gian trực tiếp kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước và có mã số thuế.

2. Đối tượng mở rộng: Các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể đang kinh doanh tại chợ thịt Hóc Môn và chợ Bàu Nai, quận 12 không đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể đang kinh doanh trên địa bàn thành phố, kể cả các tỉnh, thành khác có nhu cầu. Tùy điều kiện cụ thể và số ô vừa còn lại, Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn xem xét, giải quyết đối tượng mở rộng cho phù hợp với thực tế.

Điều 7. Giá thuê, diện tích, hệ số ngành hàng, hệ số vị trí điểm kinh doanh

1. Đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi:

a) Giá thuê điểm kinh doanh (chưa tính hệ số ngành hàng, hệ số vị trí):

- Giá kinh doanh: 10.000.000 đồng/m² (chưa VAT).

- Giá chính sách ưu đãi: bằng 50% của giá kinh doanh (chưa VAT).

b) Hệ số ngành hàng, hệ số vị trí:

- Hệ số ngành hàng: đối với các ngành hàng bán buôn thịt được áp dụng thêm hệ số ngành hàng là 2,0 so với mức giá quy định tại điểm a khoản này.

- Hệ số vị trí: tùy theo vị trí thuận lợi hoặc không thuận lợi khi kinh doanh của ô, vừa trong chợ, được tính hệ số từ 1 đến 1,50 so với mức giá quy định tại điểm a khoản này.

c) Số diện tích được thuê địa điểm kinh doanh:

Diện tích được thuê theo giá chính sách ưu đãi:

- Doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể đang kinh doanh có diện tích kinh doanh dưới 15m^2 được thuê theo giá ưu đãi với diện tích là 10m^2 .

- Doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể đang kinh doanh có diện tích kinh doanh từ 15m^2 trở lên được thuê theo giá ưu đãi và diện tích cho thuê tối đa là 20m^2 .

- Ngoài diện tích được thuê theo giá chính sách ưu đãi, nếu doanh nghiệp, tiểu thương có nhu cầu mở rộng diện tích kinh doanh, thì có thể thuê thêm diện tích theo giá kinh doanh là $10.000.000$ đồng/ m^2 (chưa tính VAT, hệ số ngành hàng, hệ số vị trí) và do Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn xem xét, giải quyết từng trường hợp cụ thể.

Doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể được hưởng chính sách ưu đãi, phải có xác nhận của Ban Quản lý chợ và Ủy ban nhân dân các quận, huyện có chợ di dời về tình trạng kinh doanh nơi chợ cũ.

d) Phương thức thanh toán tiền thuê điểm kinh doanh: Thanh toán một lần hoặc trả góp theo phương thức thanh toán trả trước 30% và 70% còn lại được trả góp trong thời hạn 7 năm. Chịu lãi suất 8,4 %/năm.

2. Đối tượng mở rộng:

Sau khi hoàn tất công tác di dời các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể theo diện chính sách của thành phố, nếu còn dư ô, vựa, chấp thuận cho Công ty cổ phần Thương mại Hóc Môn được phép tự quyết định phương thức và giá thuê điểm kinh doanh, nhưng Công ty phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước đối với phần diện tích kinh doanh này (kể cả chi phí bồi thường do ngân sách đã chi). Giao Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị có liên quan xác định chi phí cụ thể trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Điều 8. Dịch vụ quản lý, nhập chợ, phí trông giữ xe đạp, xe máy

1. Dịch vụ quản lý chợ: bao gồm dịch vụ bảo vệ, vệ sinh, dịch vụ hệ thống chiếu sáng... tính trên diện tích ô vựa đăng ký kinh doanh theo Hợp đồng thuê được duyệt tùy theo ngành hàng như sau:

a) Ngành hàng thịt, thủy hải sản: 25.000 đồng/ m^2 /tháng (chưa VAT);

b) Ngành hàng rau củ quả: 20.000 đồng/ m^2 /tháng (chưa VAT).

2. Dịch vụ nhập chợ: được chia làm 05 mức như sau:

a) Xe tải (từ 3,5 tấn trở xuống): 5.000 đồng/lượt/đầu xe;

b) Xe tải (trên 3,5 tấn đến 11 tấn): 10.000 đồng/lượt/đầu xe;

- c) Xe container 20 feet: 20.000 đồng/lượt/đầu xe;
- d) Xe container 40 feet: 25.000 đồng/lượt/đầu xe.

3. Phí trông giữ xe đạp, xe máy được chia làm 02 mức như sau:

- a) Ban ngày: Xe đạp: 1.000 đồng/lượt/xe; xe máy: 2.000 đồng/lượt/xe;
- b) Ban đêm: Xe đạp: 2.000 đồng/lượt/xe; xe máy: 3.000 đồng/lượt/xe.

Điều 9. Thời gian và hợp đồng thuê sử dụng điểm kinh doanh

1. Thời gian thuê điểm kinh doanh: Thời gian thuê điểm kinh doanh là năm mươi (50) năm (theo Quyết định số 2449/QĐ-UB ngày 03 tháng 7 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố).

2. Hợp đồng thuê và sử dụng điểm kinh doanh: Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Hóc Môn ký hợp đồng thuê điểm kinh doanh hoặc hợp đồng sử dụng điểm kinh doanh với tiểu thương kinh doanh tại chợ theo quy định tại Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

Điều 10. Chính sách thuế ưu đãi khi vào kinh doanh tại điểm kinh doanh mới

Trong thời gian đầu kinh doanh chưa ổn định hoặc doanh thu còn thấp, tạm thời cơ quan thuế xác định lại doanh thu tính thuế tại địa điểm kinh doanh mới cho phù hợp với thực tế kinh doanh của thương nhân trong từng thời điểm.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trình tự, thủ tục tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái bố trí

1. Căn cứ Quyết định số 5505/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về bổ sung giải tỏa di dời chợ bán buôn thịt trên địa bàn thành phố và Quy định tại Quyết định này; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 12, huyện Hóc Môn thành lập Ban Chỉ đạo di dời và tái bố trí để tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái bố trí theo quy định.

2. Thành phần Ban Chỉ đạo gồm:

- a) Trưởng ban: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện.
- b) Phó Ban Thường trực: Trưởng hoặc Phó Phòng Kinh tế quận, huyện.
- c) Phó Ban: Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận, huyện.

d) Các thành viên:

- Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện;
- Trưởng hoặc Phó Ban Quản lý chợ;
- Trưởng hoặc Phó Phòng Quản lý đô thị;
- Trưởng hoặc Phó Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Đại diện Chi cục Thuế quận, huyện;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi có chợ phải di dời;
- Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ và các đoàn thể cấp quận - huyện;
- Đại diện các hộ tiểu thương phải di dời (từ 01 đến 02 người).
- Ngoài các đại diện nêu trên, Trưởng Ban Chỉ đạo có thể bổ sung thêm đại diện các phòng, ban khác nếu thấy cần thiết.

3. Trách nhiệm của Ban Chỉ đạo.

a) Ban Chỉ đạo giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp lập, trình duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái bố trí; Ban Chỉ đạo làm việc theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo phía có ý kiến của Trưởng ban.

b) Trách nhiệm của các thành viên Ban Chỉ đạo:

- Trưởng Ban chỉ đạo các thành viên Ban Chỉ đạo lập, trình duyệt và chỉ đạo tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái bố trí;
- Đại diện các hộ tiểu thương: phản ánh nguyện vọng của các tiểu thương tại các chợ phải di dời; vận động những tiểu thương thực hiện di chuyển, bàn giao mặt bằng đúng tiến độ;
- Các thành viên khác thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công và chỉ đạo của Trưởng ban phù hợp với trách nhiệm của ngành.

c) Ban Chỉ đạo di dời chợ chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý của số liệu kiểm kê, tính pháp lý về quyền sử dụng quầy sạp, đối tượng được bồi thường, hỗ trợ hoặc không được bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

d) Ban Chỉ đạo di dời chợ được sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân quận, huyện để hoạt động và được hưởng chi phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái bố trí được tính bằng hai phần trăm (2%) của chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái bố trí

khi di dời chợ. Giao Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận, huyện là bộ phận thường trực của Ban Chỉ đạo có tư cách pháp nhân quản lý và sử dụng chi phí phục vụ này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 12. Lập, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái bố trí

1. Lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái bố trí:

Căn cứ Quy định này, Ban Chỉ đạo lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái bố trí theo bố cục và nội dung như sau:

Phần I: Các căn cứ pháp lý liên quan đến dự án đầu tư và tóm tắt quy mô hiện trạng của dự án.

Phần II: Quy định cụ thể:

- (1) Xác định đối tượng được bồi thường, hỗ trợ.
- (2) Xác định giá trị quyền sử dụng quây, sạp để tính bồi thường.
- (3) Xác định đơn giá các loại vật kiến trúc để tính bồi thường, hỗ trợ.
- (4) Các khoản hỗ trợ khác theo quy định.
- (5) Về việc tái bố trí (địa điểm, đơn giá thuê, hợp đồng...).

Phần III: Dự toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái bố trí:

1. Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái bố trí của các hộ tiểu thương:

- (a) Chi phí bồi thường giá trị quyền sử dụng quây, sạp.
- (b) Chi phí bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc và tài sản khác.
- (c) Các khoản hỗ trợ khác.

2. Chi phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái bố trí (2% x 1).

3. Dự phòng phí (10% x 1).

4. Tổng mức dự toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án: (4 = 1 + 2 + 3).

(Đính kèm theo phương án bảng tính chi phí bồi thường, hỗ trợ theo danh sách của từng trường hợp, được Trưởng ban ký tên và đóng dấu).

2. Sau khi phương án bồi thường, hỗ trợ và tái bố trí được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, Ban Chỉ đạo di dời chợ chịu trách nhiệm niêm yết công khai phương án tại trụ sở làm việc, Ban Quản lý chợ phải di dời, Ủy ban nhân dân phường, xã nơi có chợ phải di dời; thông báo kế hoạch và thời gian chi trả tiền bồi thường, hỗ

trợ giải quyết vấn đề tái bố trí và thực hiện giải phóng mặt bằng; đồng thời tổ chức vận động, tuyên truyền, giải thích để các tổ chức, cá nhân có liên quan cùng thực hiện.

3. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái bố trí

Ủy ban nhân dân quận 12 và huyện Hóc Môn giao Ban Chỉ đạo di dời chợ lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định và báo cáo Sở Tài chính, Sở Thương mại thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt để thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc ngoài thẩm quyền giải quyết thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện có văn bản báo cáo, đề xuất gửi các Sở, ngành chức năng thành phố để thống nhất thực hiện. Trường hợp còn có ý kiến chưa thống nhất giữa Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện và các Sở ngành chức năng thành phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện có văn bản gửi Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phụ trách lĩnh vực có liên quan xem xét, quyết định.

Điều 13. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại

Các đơn vị, tổ chức, cá nhân có hoạt động quản lý, kinh doanh tại các chợ phải di dời theo quy hoạch có trách nhiệm chấp hành đầy đủ và đúng thời gian giao mặt bằng theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp đã thực hiện đúng các quy định mà các đơn vị, tổ chức, cá nhân có hoạt động quản lý, kinh doanh tại các chợ phải di dời cố tình không thực hiện bàn giao mặt bằng thì Ban Chỉ đạo di dời chợ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện áp dụng biện pháp cưỡng chế hành chính buộc phải di dời, bàn giao mặt bằng theo đúng tiến độ; người bị cưỡng chế có quyền khiếu nại và được xem xét giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Kinh phí tổ chức thực hiện

Được chi từ ngân sách thành phố, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư lập kế hoạch (trên cơ sở báo cáo của Ủy ban nhân dân quận huyện) trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt để thực hiện.

Điều 15. Thủ trưởng các Sở ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 12, huyện Hóc Môn và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ vào tình hình nhiệm vụ của đơn vị, có kế hoạch tổ chức hướng dẫn, thực hiện ngay việc di dời các thương nhân theo quy định./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hồng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/2008/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 4 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế
quản lý, dạy nghề và giải quyết việc làm đối với người
sau cai nghiện ma túy**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2003/QH11 ngày 17 tháng 6 năm 2003 của Quốc hội về việc thực hiện thí điểm tổ chức quản lý, dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện ma túy ở thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh, thành phố khác trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 205/2003/QĐ-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Tổ chức quản lý, dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện tại thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 146/2004/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ Quy định thủ tục, thẩm quyền quyết định đưa vào cơ sở quản lý, dạy nghề và giải quyết việc làm đối với người sau cai nghiện ma túy;

Xét đề nghị của Sở Tư pháp tại Tờ trình số 856/TTr-STP-VB ngày 28 tháng 3 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý, dạy nghề và giải quyết việc làm đối với người sau cai nghiện ma túy được ban hành kèm theo Quyết định số 246/2003/QĐ-UB ngày 06 tháng 11 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh; cụ thể như sau:

1. Khoản 1 Điều 5 Quy chế được sửa đổi như sau:

“1. Người có khả năng tái nghiện cao là người thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đã được cai nghiện bắt buộc tại các cơ sở cai nghiện từ lần thứ hai trở lên;

b) Trong thời gian cai nghiện có hành vi vi phạm nội quy của cơ sở chữa bệnh, bị thi hành kỷ luật từ hai lần trở lên với hình thức từ cảnh cáo trở lên; hoặc trong thời gian cai nghiện có hành vi nhận, giữ, sử dụng các chất ma túy, chất gây nghiện, chất hướng thần không được phép lưu hành tại cơ sở chữa bệnh mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Không có cam kết của gia đình, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, nhà trường về đảm bảo việc làm hoặc tiếp tục học tập khi trở về cộng đồng.”

2. Điều 8 Quy chế được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 8. Xét duyệt đưa vào cơ sở dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện:

1. Đối với người tự nguyện đăng ký áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện: chậm nhất mười lăm ngày trước khi kết thúc thời gian cai nghiện, Giám đốc cơ sở chữa bệnh có trách nhiệm chuyển hồ sơ đến Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (nếu cơ sở dạy nghề, giải quyết việc làm thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) hoặc Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố (nếu cơ sở dạy nghề, giải quyết việc làm thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố) để quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện.

2. Đối với người không tự nguyện nhưng có khả năng tái nghiện cao:

Giám đốc cơ sở cai nghiện thành lập Hội đồng xét duyệt đưa người vào cơ sở dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện. Thành phần Hội đồng gồm: Giám đốc cơ sở cai nghiện làm Chủ tịch Hội đồng, Các Phó Giám đốc phụ trách công tác tổ chức, công tác giáo dục làm Phó Chủ tịch Hội đồng, đại diện các Phòng nghiệp vụ tổ chức, giáo dục, y tế, bảo vệ và Đội trưởng Đội quản lý học viên cai nghiện làm thành viên Hội đồng.

Hội đồng xét duyệt có nhiệm vụ: căn cứ vào thời gian sử dụng ma túy, thời gian cai nghiện, số lần cai nghiện, lứa tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp, tình trạng sức khỏe, tâm lý của học viên, kết quả học tập, lao động, rèn luyện để nhận xét, đánh giá khả năng tái nghiện của người chấp hành xong thời gian cai nghiện và đề xuất hướng giải quyết đối với từng trường hợp. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc cơ sở chữa

bệnh có thể đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp thông tin nhằm xác minh khả năng tái nghiện của người đã được cai nghiện ma túy nếu được đưa trở lại cộng đồng.

Việc đánh giá, kết luận khả năng tái nghiện và đề nghị hướng giải quyết đối với người sau cai nghiện phải được thể hiện bằng văn bản của Chủ tịch Hội đồng xét duyệt.

3. Chậm nhất là mười lăm ngày trước khi kết thúc thời gian cai nghiện, Giám đốc cơ sở cai nghiện có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ chuyển Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố để báo cáo Hội đồng tư vấn thành phố xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện đối với người không tự nguyện nhưng có khả năng tái nghiện cao.”

3. Điều 12 Quy chế được sửa đổi như sau:

“Điều 12. Thẩm quyền quyết định đưa vào cơ sở dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đưa vào cơ sở dạy nghề và giải quyết việc làm đối với người không tự nguyện nhưng có khả năng tái nghiện cao.
2. Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố quyết định đưa vào cơ sở dạy nghề và giải quyết việc làm đối với người tự nguyện.”

4. Khoản 2 Điều 17 Quy chế được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Thẩm quyền, thời gian cho người sau cai nghiện về phép:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố cho phép người sau cai nghiện về phép theo quy định tại khoản 1 Điều này. Thời gian cho về phép tối đa là mười ngày.

b) Cơ quan tiếp nhận yêu cầu về phép của người sau cai nghiện:

- Đối với các trường hợp về phép theo quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều này (về phép tang, phép cưới), Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội thành phố chịu trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ từ gia đình người sau cai nghiện và trình ngay cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định.

- Đối với trường hợp về phép theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này (phép thưởng), Giám đốc cơ sở dạy nghề và giải quyết việc làm lập hồ sơ theo quy định, chuyển Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.”

5. Điều 42 Quy chế được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 42. Chấm dứt áp dụng biện pháp quản lý người sau cai nghiện

Người sau cai nghiện được chấm dứt áp dụng biện pháp quản lý khi:

1. Đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp quản lý theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền nêu tại Điều 12 và Điều 50 Quy chế này.

2. Được chấm dứt áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện trước thời hạn do có nhiều thành tích trong thời gian lao động, học tập, rèn luyện tại các cơ sở giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện theo Điều 43 Quy chế này.

3. Được chấm dứt áp dụng biện pháp quản lý trước thời hạn để tái hòa nhập cộng đồng theo nguyện vọng của cá nhân và gia đình người sau cai nghiện theo quy định tại Quyết định số 113/2004/QĐ-UB ngày 23 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về xét duyệt cho hồi gia đối với học viên cai nghiện ma túy và người sau cai nghiện.

4. Được giải quyết tái hòa nhập cộng đồng theo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố về giải quyết tái hòa nhập cộng đồng cho người chấp hành tốt thời gian áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện.”

6. Điều 43 Quy chế được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 43. Điều kiện xét giải quyết chấm dứt áp dụng biện pháp quản lý trước thời hạn do có nhiều thành tích trong thời gian làm việc tại các cơ sở giải quyết việc làm

1. Người sau cai nghiện được xét chấm dứt áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện trước thời hạn khi có đủ các điều kiện sau:

a) Không thuộc đối tượng có khả năng tái nghiện cao theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy chế này.

b) Có thời gian thực hiện biện pháp quản lý, dạy nghề và giải quyết việc làm tại cơ sở giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện từ đủ mười hai tháng trở lên.

c) Là người lập được nhiều thành tích trong lao động, học tập, được tập thể người sau cai nghiện bình chọn và được Giám đốc cơ sở dạy nghề và giải quyết việc làm khen thưởng trong các phong trào thi đua tại cơ sở giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện.

2. Giám đốc cơ sở dạy nghề và giải quyết việc làm thành lập Hội đồng xét duyệt cơ sở để xem xét, đề xuất giải quyết đối với những trường hợp tại khoản 1 Điều này,

hoàn thiện hồ sơ chuyển Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố để báo cáo Hội đồng tư vấn thành phố xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định. Thành phần của Hội đồng xét duyệt cơ sở bao gồm các thành viên như Hội đồng xét duyệt đưa vào cơ sở dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện.”

7. Điều 46 Quy chế được sửa đổi như sau:

“Điều 46.

1. Đối với trường hợp đủ điều kiện chấm dứt biện pháp quản lý sau cai nghiện trước thời hạn: Giám đốc cơ sở dạy nghề và giải quyết việc làm thành lập Hội đồng xét duyệt cơ sở để xem xét, đề xuất hướng giải quyết, hoàn thiện hồ sơ chuyển đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố để báo cáo Hội đồng tư vấn thành phố, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định giải quyết tái hòa nhập cộng đồng.

2. Trường hợp người sau cai nghiện chấp hành đủ thời gian quản lý sau cai nghiện, Giám đốc cơ sở dạy nghề và giải quyết việc làm cấp “Giấy chứng nhận đã chấp hành xong biện pháp quản lý sau cai nghiện” và hoàn thiện hồ sơ chuyển Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố xem xét, rà soát hồ sơ từng trường hợp cụ thể.

Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố có trách nhiệm ra thông báo về việc tái hòa nhập cộng đồng cho người sau cai nghiện khi hết thời hạn chấp hành biện pháp quản lý sau cai nghiện.

3. Quyết định hoặc thông báo về việc giải quyết tái hòa nhập cộng đồng phải được gửi cho: cá nhân và gia đình người tái hòa nhập cộng đồng; Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn nơi người sau tái hòa nhập cộng đồng cư trú; tổ chức, đơn vị tiếp nhận người tái hòa nhập cộng đồng định cư, làm việc.”

8. Điều 47 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 47.

1. Người chấp hành xong biện pháp quản lý tại cơ sở giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện được chọn một trong các phương thức làm việc, tái hòa nhập cộng đồng sau đây:

a) Trở về gia đình để tiếp tục làm việc, sinh sống, được sự giúp đỡ và chịu sự quản lý của gia đình, cộng đồng dân cư, chính quyền địa phương nơi cư trú.

b) Làm việc và ở tại Cụm Công nghiệp và Khu dân cư đô thị mới Nhị Xuân.

c) Làm việc tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ do gia đình người sau cai nghiện và các tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế đầu tư.

d) Làm việc và định cư tại các cơ sở cai nghiện, cơ sở giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện.

2. Giám đốc cơ sở giải quyết việc làm có trách nhiệm tổ chức tư vấn cho người sau cai nghiện trong việc lựa chọn các phương thức tái hòa nhập cộng đồng. Nghiêm cấm các hành vi ép buộc, cản trở người sau cai nghiện lựa chọn phương thức tái hòa nhập cộng đồng.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Công an thành phố, Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1688/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt nhiệm vụ quy hoạch đồ án điều chỉnh quy hoạch
chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu C30 thuộc phường 14, quận 10
và phường 6, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2005/TT-BXD ngày 19 tháng 8 năm 2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đô thị quận 10, thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 5239/TTr-SQHKT ngày 26 tháng 12 năm 2007 và Công văn số 457/SQHKT-QHKVI ngày 04 tháng 02 năm 2008 về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu C30 thuộc phường 14, quận 10 và phường 6, quận Tân Bình,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt nhiệm vụ quy hoạch đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu C30 thuộc phường 14, quận 10 và phường 6, quận Tân Bình, với các nội dung chính như sau (đính kèm hồ sơ lập nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/2000):

1. Vị trí và quy mô nghiên cứu:

* Khu quy hoạch thuộc phường 14, quận 10 và phường 6, quận Tân Bình.

Được giới hạn như sau:

- Phía Đông: giáp Khu cư xá Bắc Hải, quận 10;
- Phía Tây: giáp đường Lý Thường Kiệt;
- Phía Nam: giáp Trường Đại học Bách khoa thành phố và Xí nghiệp Dược phẩm;
- Phía Bắc: giáp khu dân cư phường 6, quận Tân Bình.

* Quy mô diện tích và dân số nghiên cứu:

- Quy mô đất nghiên cứu quy hoạch: 409.498,8m², trong đó:
- + Diện tích thuộc phường 14, quận 10: 299.576,7m²;
- + Diện tích thuộc phường 6, quận Tân Bình: 109.922,1m².

(so với diện tích quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 1994/QHKT-QH ngày 04 tháng 6 năm 2003 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc là 410.488m², chênh lệch 989,2m²).

- Dân số dự kiến đến 2020: 8.000 ÷ 10.000 người.

2. Tính chất, chức năng quy hoạch:

- Khu trung tâm thương mại, văn phòng, sản xuất kỹ thuật cao, kinh doanh, dịch vụ chuyên ngành bưu chính viễn thông;
- Khu công trình công cộng phục vụ chung;
- Công viên tập trung;
- Khu nhà ở phục vụ chương trình chỉnh trang đô thị, tái định cư cho quận 10, quận Tân Bình và khu C30.

3. Dự báo quy mô đất xây dựng:

Với quy mô dân số và nhu cầu sử dụng thực tế của thành phố cũng như của địa phương, dự báo quỹ đất xây dựng tại khu C30 như sau:

STT	Loại đất	Quy hoạch điều chỉnh năm 2007	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở	8,0 - 8,5	19,5 - 20,8
	- Dân cư hiện hữu	1,5	
	- Dân cư xây mới	6,5 - 7,0	

2	Đất CTCC phục vụ chung	3,5 - 3,8	8,5 - 9,3
3	Đất công viên cây xanh	2,5 - 3,0	6,1 - 7,3
4	Đất văn phòng giao dịch, kinh doanh, dịch vụ BĐ	12,0 - 12,5	29,3 - 30,5
	- Công trình hiện hữu	5,2	
	- Công trình xây mới	6,8 - 7,3	
5	Đất công nghiệp kỹ thuật cao	3,5 - 4,0	8,6 - 9,8
	- Công trình hiện hữu	1,2	
	- Công trình xây mới	2,3 - 2,8	
6	Đất hạ tầng kỹ thuật	0,17	0,4
7	Đất giao thông	9,8 - 10,7	23,9 - 26,1
	- Đất giao thông đối nội	6,2 - 7,1	
	- Đất giao thông đối ngoại	3,6	
	Tổng cộng:	40,95	100,0

4. Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

- Tổng diện tích quy hoạch : 409.498,8m²
- Dân số dự kiến : 8.000 - 10.000 người
- Chỉ tiêu đất đô thị : 45,5 - 51 m²/người
- * Chỉ tiêu xây dựng các khu dân dụng:
 - Đất dân dụng : 21,2 - 26,5 m²/người
 - + Đất ở : 8,1 - 10,1 m²/người
 - + Đất công trình công cộng : 3,5 - 4,4 m²/người
 - + Đất cây xanh : 2,8 - 3,5 m²/người
 - + Đất giao thông nội bộ : 6,7 - 8,4 m²/người
 - Mật độ dân cư : 195 - 240 người/ha
 - Mật độ xây dựng toàn khu : 25 - 30%
 - + Công trình công cộng : 25 - 35%
 - + Nhà ở:
 - . Nhà liên kế : 85 - 90%

. Chung cư : 30 - 35%

+ Nhà văn phòng, dịch vụ : 30 - 35%

+ Nhà sản xuất kỹ thuật cao : 45 - 50%

- Tầng cao:

+ Công trình công cộng: tối thiểu 3 tầng (tầng cao tối đa tùy thuộc chức năng loại công trình).

+ Nhà ở:

. Nhà liên kế : từ 3 - 5 tầng

. Chung cư : từ 12 - 18 tầng

+ Nhà văn phòng, dịch vụ : từ 12 - 20 tầng

+ Nhà sản xuất kỹ thuật cao : tối đa 16 tầng

. Tầng cao đối đa của nhà chung cư và nhà văn phòng thương mại dịch vụ phụ thuộc độ cao tính không Cụm cảng hàng không sân bay Tân Sơn Nhất (từ 12 tầng - 20 tầng).

- Hệ số sử dụng đất chung cho toàn khu vực: 3,0.

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

5.1. Giao thông:

- Giao thông đối ngoại: Tuyến đường Thành Thái và đường Bắc Hải có chức năng đối ngoại lộ giới 30m với diện tích 3,6ha chiếm tỷ lệ 8,9% tổng diện tích khu đất, ngoài ra còn có đường Lý Thường Kiệt phía Tây Nam khu vực là tuyến giao thông nội từ cửa ngõ sân bay Tân Sơn Nhất đến các quận trung tâm thành phố.

- Giao thông đô thị: Quy hoạch mạng lưới giao thông đối nội trên cơ sở tận dụng các tuyến đường hiện hữu và xây dựng thêm các tuyến đường ngang tạo sự nối kết với khu vực kế cận.

5.2. Chuẩn bị kỹ thuật:

- Quy hoạch chiều cao:

Khu quy hoạch có nền đất tương đối cao, dốc thoải; không chịu ảnh hưởng thủy triều trên sông rạch; do đó chỉ cần san ủi tại chỗ và hoàn thiện mặt phủ.

+ Hướng dốc nền thiết kế: từ phía Tây về phía Đông và Đông Bắc (theo hướng dốc địa hình tự nhiên).

- Quy hoạch thoát nước mưa:

Sử dụng hệ thống công ngầm để tổ chức thoát chung cho nước mưa và nước thải; sau đó, nước thải sẽ được tách ra bởi các giếng ngăn tràn và được đưa về trạm xử lý.

Hướng thoát: nước mưa trong khu quy hoạch được hướng thoát về phía Đông ra tuyến công hộp Bắc Hải xả ra kênh Nhiêu Lộc.

5.3. Cấp điện:

+ Khu C30 hiện được cấp điện từ trạm 110/15-22kV Hòa Hưng mới xây dựng ở góc Công viên Lê Thị Riêng qua tuyến trung thế 22kV chạy dọc đường Bắc Hải.

- Lưới điện trung hạ thế hiện hữu sẽ cải tạo và thay thế bằng cáp ngầm.

5.4. Cấp nước:

* Tiêu chuẩn cấp nước:

- Nước cấp sinh hoạt tại chỗ: $q_{sh} = 200$ lít/người ngày
- Nước cấp dịch vụ công cộng: $q_{cc} = 25$ lít/người ngày
- Nước cấp tiêu thụ công nghiệp $q_{tcn} = 20$ lít/người ngày
- Nước tưới cây $q_t = 15$ lít/người ngày
- Khách vãng lai $q_k = 10$ lít/người ngày

* Nguồn cấp nước: Sử dụng nguồn nước máy thành phố dựa vào tuyến ống cấp nước hiện trạng trên đường Lý Thường Kiệt, thuộc hệ thống nhà máy nước sông Sài Gòn.

* Mạng lưới đường ống: Phát triển mạng lưới cấp nước phân phối.

5.5. Thoát nước bản và vệ sinh môi trường:

* Tiêu chuẩn thoát nước thải:

- Nước thải sinh hoạt tại chỗ: $q_{sh} = 200$ lít/người ngày
- Nước thải dịch vụ công cộng: $q_{cc} = 25$ lít/người ngày
- Nước thải tiêu thụ công nghiệp $q_{tcn} = 20$ lít/người ngày
- Nước thải khách vãng lai $q_k = 10$ lít/người ngày

* Mạng lưới đường cống:

- Xây dựng hệ thống cống thoát nước chung để thu nước thải sinh hoạt.

- Đối với khu sản xuất cần phải xây dựng cống thu nước thải riêng trong công trình sau đó đưa đi xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn, trước khi xả vào cống chung.

Điều 2. Trên cơ sở nội dung nhiệm vụ quy hoạch được duyệt, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận 10, Ủy ban nhân dân quận Tân Bình và Viện Quy hoạch xây dựng triển khai thực hiện nghiên cứu đề án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 và trình duyệt theo quy định, quy chuẩn của Bộ Xây dựng. Lưu ý: Cần nghiên cứu theo hướng tăng chiều cao công trình, giảm mật độ xây dựng, đảm bảo hệ số sử dụng đất phù hợp, hiệu quả tạo không gian thông thoáng, nhiều cây xanh cho từng lô đất, cây xanh đường phố và dành đất cho giao thông nội bộ trong khu quy hoạch; hạn chế tối đa xây dựng công trình thấp tầng, mật độ xây dựng cao nhưng hệ số sử dụng đất thấp gây lãng phí quỹ đất. Về hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật phải đảm bảo yêu cầu kết nối đồng bộ hệ thống giao thông nội bộ, giao thông khu vực, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước thải trước khi đưa vào hệ thống nước chung thành phố, có giải pháp xử lý rác thải; cần nghiên cứu quy hoạch hồ nước ở khu trung tâm với quy mô diện tích thích hợp, vừa có chức năng điều tiết nước; đồng thời tạo cảnh quan chung của khu vực này.

Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận 10 và Ủy ban nhân dân quận Tân Bình xác lập ranh đất quy hoạch, thực hiện tốt việc quản lý đất trong phạm vi quy hoạch.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giao thông - Công chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 10, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Tập Đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

HUYỆN CẦN GIỜ**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2008/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 08 tháng 4 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy trình thực hiện đầu tư - xây dựng cơ bản đối với
các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư
của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 ngày 11 tháng 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 126/2004/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý sử dụng nhà;

Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 111/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 53/2007/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 126/2007/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về quản lý thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước của thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Chương trình Cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ năm 2007;

Xét đề nghị của Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính và Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này về Quy trình thực hiện đầu tư - xây dựng cơ bản đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 20/2006/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ. Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm theo dõi, đánh giá, sơ tổng kết định kỳ theo quý, năm và đề xuất các hình thức khen thưởng, kỷ luật của các đơn vị chủ đầu tư trong quá trình thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng Phòng Quản lý Đô thị, Trưởng Phòng Kinh tế, Trưởng Phòng Tài nguyên - Môi trường, Giám đốc Ban Quản lý Dự án khu vực đầu tư - xây dựng huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, các đơn vị được giao nhiệm vụ chủ đầu tư có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Hiệp

**QUY TRÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG CƠ BẢN ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN THUỘC THẨM QUYỀN
QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

Trình tự thực hiện	Cơ quan thực hiện	Thời gian tối đa hoàn thành	Tóm tắt nội dung công việc thực hiện	Các biện pháp chế tài trong thực hiện
A. GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ				
I. Tổng hợp, đề xuất danh mục dự án đầu tư	P. Tài chính - Kế hoạch	Đầu năm, phát sinh trong năm.	- Chủ đầu tư và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổng hợp nhu cầu và đăng ký danh mục dự án đầu tư cho Phòng Tài chính - Kế hoạch. - Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tổng hợp nhu cầu vào đầu tháng 10 hàng năm để báo cáo Ủy ban nhân dân huyện vào thời điểm đầu tháng 11 về kế hoạch đầu tư xây dựng và danh mục các dự án thực hiện trong năm sau để Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.	
II. Lựa chọn đơn vị tư vấn khảo sát, lập	Chủ đầu tư	Ngay khi có danh mục, chủ trương đầu tư.	- Chủ đầu tư có trách nhiệm chọn đơn vị tư vấn đủ điều kiện năng lực, ngành nghề phù hợp với dự án để khảo sát lập dự án, đồng thời thực	

<p>hồ sơ dự án, tư vấn đo đạc địa chính về ranh mốc xây dựng công trình</p>			<p>hiện chọn đơn vị tư vấn đo đạc địa chính về ranh mốc xây dựng công trình.</p> <p>- Chủ đầu tư có trách nhiệm duyệt nhiệm vụ khảo sát và dự toán khảo sát.</p> <p><i>(Nội dung nhiệm vụ khảo sát thực hiện theo khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 về quản lý chất lượng công trình xây dựng và khoản 1 Điều 6 của Quyết định số 126/2007/QĐ-UBND ngày 20/10/2007 quản lý dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước của thành phố Hồ Chí Minh).</i></p>	
<p>Đối với các công trình lập dự án đầu tư được thực hiện theo trình tự thủ tục như sau:</p>				
<p>1. Lập dự án đầu tư</p>	<p>Đơn vị tư vấn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Từ khi có quyết định giao kế hoạch chuẩn bị đầu tư. - Không quá 6 tháng đối với dự án nhóm C. - Không quá 10 tháng đối với dự án nhóm B. 	<p>- Nội dung dự án bao gồm phần thuyết minh theo quy định tại Điều 6 và phần thiết kế cơ sở theo quy định tại Điều 7 của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; khoản 3 điều 1 của Nghị định số 112/2006/ND-CP ngày 29/9/2006 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP và theo Điều 6 của Quyết định số 126/2007/QĐ-UBND ngày 20/10/2007 quản lý dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước của thành phố Hồ Chí Minh;</p> <p><i>Hồ sơ gồm 09 bộ</i></p>	<p>Theo Điều 19 Mục 3 Chương II Nghị định số 126/2004/NĐ-CP ngày 26/5/2004 về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý sử dụng nhà; Theo Điều 8 Mục 2 Chương II Nghị định số 53/2007/NĐ-CP ngày 04/4/2007 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư</p>

<p>2. Trình thẩm định thiết kế cơ sở, chia thành 02 trường hợp</p>				
<p>2.1. Trường hợp thiết kế cơ sở thuộc thẩm quyền thẩm định của các Sở - ngành thành phố</p>	<p>Chủ đầu tư</p>	<p>6 ngày, kể từ khi hồ sơ thiết kế cơ sở hoàn chỉnh, được chủ đầu tư chấp thuận và thông qua ý kiến của cơ quan thụ hưởng.</p>	<p>- Chủ đầu tư trước khi trình duyệt dự án đầu tư phải trình thiết kế cơ sở cho các Sở, ngành thành phố xem xét thẩm định.</p> <p>- Hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế cơ sở; Hồ sơ pháp lý về việc hành nghề của đơn vị; Thuyết minh thiết kế và các bản vẽ thiết kế cơ sở (theo Điều 7 của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP).</p> <p><i>Lưu ý: Chủ đầu tư phải kèm theo văn bản góp ý thống nhất quy mô đầu tư của đơn vị thụ hưởng)</i></p>	
<p>2.2. Trường hợp thiết kế cơ sở thuộc thẩm quyền thẩm định của huyện</p>	<p>Chủ đầu tư</p>	<p>6 ngày kể từ khi hồ sơ dự án đầu tư cùng thiết kế cơ sở hoàn chỉnh, được chủ đầu tư chấp thuận và thông qua ý kiến của đơn vị thụ hưởng.</p>	<p>- Chủ đầu tư nộp hồ sơ dự án đầu tư cùng thiết kế cơ sở tại Phòng Tài chính - Kế hoạch theo quy trình cải cách hành chính “1 cửa, 1 dấu”.</p> <p>- Hồ sơ gồm: Tờ trình đề nghị thẩm định dự án; hồ sơ dự án; thuyết minh thiết kế và các bản vẽ thiết kế cơ sở; Hồ sơ pháp lý về việc hành nghề của đơn vị tư vấn (theo Điều 8 của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP).</p>	

			<i>(Lưu ý: Chủ đầu tư trước khi trình duyệt thiết kế cơ sở, phải gửi hồ sơ thiết kế sơ bộ đến cơ quan thẩm định thiết kế cơ sở và đơn vị thụ hưởng để lấy ý kiến, xem xét, góp ý.)</i>	
2.2.1. Nhận và kiểm tra hồ sơ dự án đầu tư cùng thiết kế cơ sở	P. Tài chính - Kế hoạch	2 ngày , kể từ khi Chủ đầu tư trình hồ sơ dự án.	<p>- Phòng Tài chính - Kế hoạch là cơ quan đầu mối tiếp nhận các hồ sơ dự án có thiết kế cơ sở thuộc thẩm quyền thẩm định của huyện. Nếu hồ sơ của dự án không đáp ứng đủ theo yêu cầu của thủ tục hồ sơ thì phải có văn bản yêu cầu chủ đầu tư bổ sung, chỉnh sửa và chỉ yêu cầu bổ sung hồ sơ 1 lần.</p> <p><i>(Chú ý: đối với các công trình PCLB, trước khi chủ đầu tư trình phê duyệt dự án, phải gửi hồ sơ dự án lên Chi cục Thủy lợi PCLB thành phố để lấy ý kiến về mặt kỹ thuật).</i></p>	
2.2.2. Chuyển hồ sơ thiết kế cơ sở cho Phòng chức năng thẩm định	P. Tài chính - Kế hoạch	2 ngày , kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>- Trước khi thẩm định và trình duyệt dự án, thiết kế cơ sở của dự án phải được chuyển cho các Phòng chức năng thẩm định.</p> <p>- Hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế cơ sở; thuyết minh thiết kế, các thiết kế bản vẽ; hồ sơ pháp lý hành nghề của đơn vị tư vấn và các văn bản pháp lý liên quan.</p> <p><i>(Theo Mục III.2 của Công văn số 9462/SXD-TĐTKCS của Sở Xây dựng)</i></p>	

2.2.3. Thẩm định thiết kế cơ sở	Phòng Kinh tế, Phòng Tài nguyên - Môi trường hoặc Phòng Quản lý Đô thị theo tính chất dự án đầu tư.	<p>+ Đối với dự án nhóm B: < 15 ngày</p> <p>+ Đối với dự án nhóm C: < 10 ngày (kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</p>	<p>- Nội dung thẩm định phải lập thành báo cáo thẩm định và được thực hiện theo <i>Điều 7 của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.</i></p> <p>- Phòng Kinh tế: tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các công trình thủy lợi, đê điều, kè đá, phòng, chống lụt, bão và điện công nghiệp.</p> <p>- Phòng Tài nguyên - Môi trường: tổ chức thẩm định dự toán của các công trình lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường.</p> <p>- Phòng Quản lý Đô thị: tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các công trình còn lại thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.</p>	Theo Điều 8, Mục 2, Chương II Nghị định số 53/2007/NĐ-CP ngày 04/4/2007 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.
2.2.4. Thẩm định và trình duyệt dự án đầu tư	P. Tài chính - Kế hoạch	<p>Thẩm định DA:</p> <p>Đối với dự án nhóm B: < 10 ngày</p> <p>Đối với dự án nhóm C: < 10 ngày (kể từ khi có kết quả thẩm định thiết kế cơ sở).</p> <p>Duyệt dự án:</p> <p>Đối với dự án nhóm B: < 10 ngày</p>	<p>- Sau khi có kết quả thẩm định thiết kế cơ sở, Phòng Tài chính - Kế hoạch sẽ thẩm định (lập thành báo cáo thẩm định) và trình duyệt dự án.</p> <p>- <i>Nội dung thẩm định theo Điều 10 của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.</i></p>	Theo Điều 8, Mục 2, Chương II, Nghị định số 53/2007/NĐ-CP ngày 04/4/2007 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.

		<p>Đối với dự án nhóm C: < 10 ngày</p> <p>(kể từ khi có kết quả thẩm định thiết kế cơ sở.)</p>		
<p>2.2.5. Lập thủ tục thu hồi đất, đền bù giải phóng mặt bằng</p> <p>- Lập thủ tục thu hồi đất</p> <p>- Đền bù, giải phóng mặt bằng</p>	<p>Các đơn vị có liên quan:</p> <p>Phòng Tài nguyên - Môi trường; Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất; Trung tâm Dịch vụ hành chính nhà đất</p> <p>Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng; Chủ đầu tư</p>	<p>Ngay sau khi có quyết định duyệt dự án đầu tư.</p>	<p>- Các bước tiến hành theo Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14/3/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.</p>	
<p>2.2.6. Lựa chọn đơn vị tư vấn</p>	<p>Chủ đầu tư</p>	<p>Đối với chỉ định thầu: < 01 tháng</p>	<p>Chủ đầu tư có trách nhiệm chọn đơn vị tư vấn đủ điều kiện năng lực thiết kế, ngành</p>	

lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - dự toán		Đối với đấu thầu: < 03 tháng (kể từ khi có quyết định duyệt dự án đầu tư)	ngành phù hợp với dự án để lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - dự toán.	
2.2.7. Lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - dự toán	Đơn vị tư vấn	- Đối với dự án nhóm B: < 4 tháng - Đối với dự án nhóm C: < 3 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tư vấn.	- Nội dung hồ sơ thiết kế kỹ thuật - dự toán được thực hiện theo <i>Điều 15 của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Điều 9 của Quyết định số 126/2007/QĐ-UBND của UBND Tp.HCM; Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Điều 13, 14 của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng.</i>	Theo Điều 9, Mục 2, Chương II, Nghị định số 53/2007/NĐ-CP ngày 04/4/2007 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư
2.2.8. Thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật thi công - dự toán	Chủ đầu tư	30 ngày , kể từ khi hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - dự toán đã được đơn vị tư vấn lập xong (kể cả thời gian bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ và thuê tư vấn thẩm tra thiết kế kỹ thuật thi công - dự toán).	- Chủ đầu tư tự tổ chức việc thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán đối với những công trình xây dựng phải lập dự án. - Nội dung thẩm định theo <i>khoản 2, 3 Điều 16 của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Điều 9 của Quyết định số 126/2007/QĐ-UBND của UBND Tp.HCM</i>	Theo Điều 9, Mục 2, Chương II, Nghị định số 53/2007/NĐ-CP ngày 04/4/2007 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư

			- Trường hợp chủ đầu tư không đủ điều kiện năng lực thẩm định thì thuê các tổ chức, cá nhân tư vấn có đủ điều kiện năng lực để thẩm tra thiết kế, dự toán công trình làm cơ sở cho việc phê duyệt.	
2.2.9. Gửi quyết định duyệt thiết kế kỹ thuật thi công - dự toán	Chủ đầu tư	Không quá 7 ngày , kể từ khi thiết kế kỹ thuật - dự toán được duyệt.	Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi quyết định duyệt thiết kế kỹ thuật thi công - dự toán cho Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch và cơ quan thẩm định thiết kế cơ sở.	
Đối với công trình lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thực hiện theo trình tự thủ tục như sau:				
1. Lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	Đơn vị tư vấn	<p>- 40 ngày đối với dự án có tổng vốn đầu tư dưới 01 tỷ đồng.</p> <p>- 50 ngày đối với dự án có tổng vốn đầu tư từ 01 tỷ đến dưới 03 tỷ đồng.</p> <p>- 60 ngày đối với dự án có tổng vốn đầu tư từ 03 tỷ đồng trở lên.</p>	<p>- Nội dung của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật gồm: Sự cần thiết đầu tư; mục tiêu xây dựng; hiệu quả công trình; địa điểm xây dựng; quy mô, cấp công trình; thời hạn xây dựng; hiệu quả công trình; nguồn kinh phí xây dựng; thời gian xây dựng; phòng, chống cháy, nổ; vệ sinh môi trường, an toàn lao động; bản vẽ thiết kế thi công và dự toán công trình.</p> <p><i>(Chủ đầu tư không phải lập và phê duyệt dự toán, tổng dự toán sau khi có quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình của cơ quan chức năng).</i></p>	Theo Điều 8, Mục 2, Chương II, Nghị định số 53/2007/NĐ-CP ngày 04/4/2007 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư

		Thời gian tính từ khi đơn vị tư vấn được Chủ đầu tư chọn và ký kết hợp đồng.		
2. Kiểm tra và trình duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	Chủ đầu tư	5 ngày , kể từ khi Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoàn chỉnh, được Chủ đầu tư chấp thuận và thông qua ý kiến của đơn vị thụ hưởng.	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra hoàn chỉnh hồ sơ dự án trước khi trình duyệt. - Hồ sơ gồm: Tờ trình xin duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật; Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: bao gồm phần thuyết minh, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán; Báo cáo thẩm định thiết kế bản vẽ thi công - dự toán của chủ đầu tư; Báo cáo thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công - dự toán đối với công trình phải được thẩm tra; hồ sơ pháp lý hành nghề của đơn vị tư vấn. <p><i>(Chú ý: đối với các công trình phòng, chống lụt bão, trước khi chủ đầu tư trình phê duyệt BCKTKT, phải gửi hồ sơ BCKTKT lên Chi cục Thủy lợi PCLB thành phố để lấy ý kiến về mặt kỹ thuật (thời gian 5 ngày)).</i></p>	
3. Nhận và kiểm tra hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	P. Tài chính - Kế hoạch	2 ngày , kể từ khi chủ đầu tư trình hồ sơ dự án.	- Phòng Tài chính - Kế hoạch là cơ quan đầu mối tiếp nhận tất cả các hồ sơ của công trình phải lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật. Nếu hồ sơ của dự án không đáp ứng đủ theo yêu cầu của	

			thủ tục hồ sơ thì phải có văn bản yêu cầu chủ đầu tư bổ sung, chỉnh sửa và chỉ yêu cầu bổ sung hồ sơ 1 lần tất cả các nội dung yêu cầu sửa đổi, bổ sung.	
4. Chuyển hồ sơ thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán cho Phòng chức năng thẩm định	P. Tài chính - Kế hoạch	2 ngày , kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<ul style="list-style-type: none"> - Trước khi thẩm định và trình duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán của dự án, phải được chuyển cho các phòng chức năng thẩm định. <p>Hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán; thuyết minh thiết kế, các thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; hồ sơ pháp lý hành nghề của đơn vị tư vấn và các báo cáo thẩm định, thẩm tra của chủ đầu tư và đơn vị tư vấn.</p>	
5. Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	Phòng Kinh tế hoặc Phòng Quản lý Đô thị, Phòng Tài nguyên - Môi trường tùy theo tính chất dự án đầu tư.	20 ngày , kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<p>Nội dung thẩm định phải được lập thành Báo cáo thẩm định, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự tuân thủ quy chuẩn xây dựng và các tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng. - Sự phù hợp của thiết kế bản vẽ thi công các phương án kiến trúc được lựa chọn. - Sự hợp lý của các giải pháp kiến trúc, cấu tạo, đánh giá mức độ an toàn của công trình. - Bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ. 	Theo Điều 9, Mục 2, Chương II, Nghị định số 53/2007/NĐ-CP ngày 04/4/2007 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư

			<ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh môi trường, an toàn lao động. - Sự phù hợp giữa khối lượng thiết kế và khối lượng dự toán. - Tính đúng đắn của việc áp dụng các định mức kinh tế kỹ thuật; định mức chi phí; đơn giá; việc vận dụng định mức, đơn giá, các chế độ, chính sách và các khoản mục chi phí trong dự toán theo quy định. * Phòng Kinh tế: tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán của các công trình thủy lợi, đê điều, kè đá và điện công nghiệp. * Phòng Quản lý Đô thị: tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán của các công trình còn lại thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện. * Phòng Tài nguyên - Môi trường: tổ chức thẩm định dự toán của các công trình lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường. 	
6. Thẩm định và trình duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	P. Tài chính - Kế hoạch	10 ngày , kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ và kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công - dự toán.	<ul style="list-style-type: none"> - Sau khi có kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công - dự toán, Phòng Tài chính - Kế hoạch sẽ thẩm định (lập Báo cáo thẩm định) và trình duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật. - Nội dung thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật gồm: Sự cần thiết đầu tư; mục tiêu xây 	Theo Điều 9, Mục 2, Chương II, Nghị định số 53/2007/NĐ-CP ngày 04/4/2007 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh

			dựng; hiệu quả công trình; địa điểm xây dựng; quy mô, cấp công trình; thời hạn xây dựng; hiệu quả công trình; nguồn kinh phí xây dựng; thời gian xây dựng; phòng, chống cháy, nổ; vệ sinh môi trường, an toàn lao động; bản vẽ thiết kế thi công và dự toán công trình.	vực kế hoạch và đầu tư.
<p>7. Lập thủ tục thu hồi đất, đền bù giải phóng mặt bằng</p> <p>- Lập thủ tục thu hồi đất</p> <p>- Đền bù, giải phóng mặt bằng</p>	<p>Các đơn vị có liên quan:</p> <p>Phòng Tài nguyên - Môi trường; Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất; Trung tâm Dịch vụ hành chính nhà đất.</p> <p>Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng; Chủ đầu tư.</p>	<p>Sau khi có quyết định duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật</p>	<p>- Các bước tiến hành theo Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND, ngày 14/3/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.</p>	

B. GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN:				
Đối với gói thầu xây lắp thì thực hiện 1 trong 2 hình thức sau:				
I. Hình thức thực hiện đấu thầu				
1. Lựa chọn tư vấn lập hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu	Chủ đầu tư	<p>Ngay khi có quyết định duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đối với chỉ định thầu: < 07 ngày + Đối với đấu thầu: < 01 tháng 	<p>- Chủ đầu tư có trách nhiệm chọn đơn vị tư vấn đủ điều kiện năng lực, ngành nghề phù hợp với dự án để lập hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu.</p> <p><i>(Nội dung quy định tại Điều 6 của Luật Đấu thầu ngày 29/11/2005).</i></p>	
2. Đơn vị tư vấn lập hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu	Đơn vị tư vấn	20 ngày , kể từ khi được chọn.	<p>- Hồ sơ mời thầu được lập theo nội dung quy định tại Mục 2 Điều 32 của Luật Đấu thầu ngày 29/11/2005.</p>	<p>Theo Điều 20, Mục 3, Chương II, Nghị định số 126/2004/NĐ-CP ngày 26/5/2004 về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý sử dụng nhà.</p>

				Theo Điều 11 Mục 2 Chương II Nghị định số 53/2007/NĐ-CP ngày 04/4/2007 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.
3. Xem xét và trình duyệt hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu	Chủ đầu tư	4 ngày , kể từ khi hồ sơ mời thầu hoàn chỉnh.	- Chủ đầu tư xem xét trình duyệt hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị duyệt hồ sơ mời thầu; hồ sơ pháp lý của tư vấn; hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu. <i>(khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 111/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu).</i>	
4. Thẩm định và trình duyệt hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu	P. Tài chính - Kế hoạch	4 ngày , kể từ khi nhận đủ hồ sơ.	- Phòng Tài chính - Kế hoạch là cơ quan đầu mối nhận, thẩm định và trình duyệt hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu. <i>(Điều 11 của Nghị định số 111/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu).</i>	Theo Điều 11, Mục 2, Chương II Nghị định số 53/2007/NĐ-CP ngày 04/4/2007 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.
5. Mời thầu	Chủ đầu tư	12 ngày , kể từ khi có quyết định duyệt hồ sơ mời thầu.	- Chủ đầu tư: + Thông báo mời thầu đối với đấu thầu rộng rãi + Gửi thư mời thầu đối với đấu thầu hạn chế.	Theo Điều 12, Điều 16 Mục 2 Chương II Nghị định số 53/2007/NĐ-CP ngày 04/4/2007 quy định

			<i>(Nội dung quy định tại Điều 5 của Luật Đấu thầu ngày 29/11/2005 và Điều 16 của Nghị định số 111/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu).</i>	xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.
6. Phát hành hồ sơ mời thầu	Chủ đầu tư	15 ngày , sau khi hết thời gian thông báo mời thầu.	- Chủ đầu tư tự xác định địa điểm và thời gian phát hành hồ sơ mời thầu cho các nhà thầu tham gia dự thầu.	Theo Điều 13, Điều 16 Mục 2, Chương II, Nghị định số 53/2007/NĐ-CP ngày 04/4/2007 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.
7. Tiếp nhận và quản lý hồ sơ dự thầu	Chủ đầu tư	Sau khi phát hành hồ sơ mời thầu.	- Các hồ sơ dự thầu nộp theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu phải được bên mời thầu tiếp nhận và quản lý theo chế độ quản lý hồ sơ “Mật”.	Theo Điều 13, Điều 16 Mục 2, Chương II, Nghị định số 53/2007/NĐ-CP ngày 04/4/2007 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.
8. Tổ chức mở thầu	Chủ đầu tư	Ngay sau thời điểm đóng thầu.	- Chủ đầu tư tổ chức mở thầu, lập biên bản ghi lại những thông tin chính của từng nhà thầu nêu trong hồ sơ dự thầu có chữ ký xác nhận của đại diện bên mời thầu, đại diện nhà thầu và đại diện cơ quan liên quan tham dự.	Theo Điều 13, Mục 2, Chương II Nghị định số 53/2007/NĐ-CP ngày 04/4/2007 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.

9. Đánh giá hồ sơ dự thầu	Đơn vị tư vấn	20 ngày , kể từ khi mở thầu.	<p>- Đơn vị tư vấn giúp chủ đầu tư đánh giá hồ sơ dự thầu để loại bỏ những hồ sơ dự thầu không đạt yêu cầu của hồ sơ mời thầu và lập báo cáo kết quả đấu thầu.</p> <p><i>(Điều 28, 29 của Luật Đấu thầu ngày 29/11/2005 và Điều 17 của Nghị định số 111/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu).</i></p>	Theo Điều 14, Điều 16 Mục 2, Chương II, Nghị định số 53/2007/NĐ-CP ngày 04/4/2007 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.
10. Xem xét và trình kết quả đấu thầu	Chủ đầu tư	4 ngày , kể từ khi có kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu của đơn vị tư vấn.	<p>- Chủ đầu tư xem xét kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu và trình cho Tổ giúp việc công tác đấu thầu của huyện (đầu mối Phòng Tài chính - Kế hoạch) để thẩm định kết quả đấu thầu.</p> <p>- Hồ sơ gồm: Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu, kế hoạch đấu thầu, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu; Biên bản họp mở thầu; Báo cáo về kết quả đánh giá các Hồ sơ dự thầu của tư vấn; Tờ trình xin duyệt kết quả đấu thầu cùng tất cả các hồ sơ dự thầu.</p>	
11. Thẩm định và trình duyệt kết quả đấu thầu	P. Tài chính - Kế hoạch	7 ngày , kể từ khi nhận đủ hồ sơ họp lệ.	<p>- Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm nhận, thẩm định hồ sơ kết quả đấu thầu và lập Biên bản thẩm tra kết quả đấu thầu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.</p>	

12. Thông báo kết quả đấu thầu đến nhà thầu	Chủ đầu tư	2 ngày , kể từ khi có kết quả đấu thầu.	- Chủ đầu tư thông báo kết quả đấu thầu đến nhà thầu ngay khi có quyết định duyệt kết quả đấu thầu.	
13. Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng thi công với nhà thầu	Chủ đầu tư	8 ngày , kể từ khi có thông báo kết quả trúng thầu.	- Việc thương thảo hợp đồng thực hiện theo <i>khoản 1 Điều 42 của Luật Đấu thầu và Điều 20 của Nghị định số 111/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu.</i> - Trường hợp việc thương thảo, hoàn thiện hợp đồng không thành thì chủ đầu tư phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét việc lựa chọn nhà thầu xếp hạng tiếp theo.	Theo Điều 15, Mục 2, Chương II, Nghị định số 53/2007/NĐ-CP ngày 04/4/2007 về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.
II. Hình thức thực hiện chỉ định thầu				
1. Xin chủ trương cho phép chỉ định thầu xây lắp	Chủ đầu tư	Ngay khi có quyết định duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc thiết kế dự toán.	- Chủ đầu tư gửi văn bản xin chủ trương cho phép chỉ định thầu xây lắp đến Ủy ban nhân dân huyện và Phòng Tài chính - Kế hoạch.	
2. Xem xét và đề xuất chủ trương chỉ định thầu xây lắp	P. Tài chính - Kế hoạch	4 ngày , kể từ khi nhận được văn bản đề nghị.	- Phòng Tài chính - Kế hoạch là cơ quan đề xuất chủ trương chỉ định thầu xây lắp trình Ủy ban nhân dân huyện.	Theo Điều 13, Mục 2, Chương II, Nghị định số 53/2007/NĐ-CP ngày 04/4/2007 quy định xử phạt vi phạm

				hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.
3. Lựa chọn nhà thầu dự kiến chỉ định	Chủ đầu tư	5 ngày , kể từ khi có văn bản cho phép.	- Chủ đầu tư có trách nhiệm lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm đáp ứng các yêu cầu của gói thầu.	
4. Lập và gửi hồ sơ mời dự thầu	Chủ đầu tư	7 ngày , kể từ khi chọn được nhà thầu.	- Chủ đầu tư lập và gửi hồ sơ mời dự thầu (hồ sơ đề xuất) cho nhà thầu đã được chọn.	
5. Lập hồ sơ dự thầu gửi chủ đầu tư	Đơn vị dự thầu	15 ngày , kể từ khi nhận được hồ sơ mời dự thầu.	- Sau khi nhận hồ sơ mời thầu, đơn vị thi công có trách nhiệm lập hồ sơ dự thầu (hồ sơ quan tâm) gửi chủ đầu tư xem xét, đánh giá.	
6. Tổ chức họp xét giá giao thầu xây lắp	Chủ đầu tư	4 ngày kể từ khi nhận và kiểm tra hồ sơ dự thầu của đơn vị được chọn thầu.	- Chủ đầu tư mời Tổ giúp việc đấu thầu của huyện, đơn vị nhận thầu để thương thảo giá giao thầu. <i>(bao gồm thư mời và hồ sơ quan tâm của đơn vị được chỉ định thầu và phải gửi trước 03 ngày/4 ngày)</i> (Tổ giúp việc đấu thầu của huyện gồm: đại diện Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Quản lý Đô thị, Phòng Kinh tế (tùy theo tình chất công trình)).	

7. Phê duyệt kết quả chỉ định thầu	Người quyết định đầu tư hoặc Chủ đầu tư.	3 ngày , sau khi tổ chức họp xét giá giao thầu.	- Chủ đầu tư phê duyệt kết quả chỉ định thầu đối với các trường hợp theo quy định (<i>điểm a và điểm đ khoản 1 Điều 20 của Luật Đấu thầu ban hành ngày 29/11/2005 và khoản 5 Điều 35 của Nghị định số 111/2006/NĐ-CP về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu</i>);	
III. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, thiết bị	Chủ đầu tư	Ngay khi có quyết định duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình.	Thực hiện theo Mục 1 Chương II của Luật Đầu thầu (Hình thức lựa chọn nhà thầu).	
C. GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN DỰ ÁN				
I. Lựa chọn đơn vị tư vấn giám sát	Chủ đầu tư	+ Đối với chỉ định thầu: < 5 ngày + Đối với đấu thầu: < 30 ngày (Kể từ khi ký hợp đồng thi công.)	- Chủ đầu tư có trách nhiệm lựa chọn đơn vị tư vấn giám sát có đủ năng lực và kinh nghiệm đáp ứng các yêu cầu của dự án. Nếu chủ đầu tư có chức năng và đủ năng lực giám sát thì tổ chức giám sát và ra quyết định phân công giám sát.	

II. Ký lệnh khởi công xây dựng	Chủ đầu tư	3 ngày kể từ khi công trình đủ điều kiện khởi công.	- Điều kiện để khởi công xây dựng công trình, thực hiện theo <i>Điều 72 của Luật Xây dựng</i> .	Theo Điều 9, Mục 1, Chương II, Nghị định số 126/2004/NĐ-CP ngày 26/5/2004 về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý sử dụng nhà.
III. Lập hồ sơ hoàn công cùng phiếu yêu cầu nghiệm thu công trình hoàn thành	Đơn vị thi công	7 ngày , kể từ khi công trình hoàn thành.	- Khi công trình hoàn thành và nhà thầu thi công đã tổ chức nghiệm thu nội bộ, đơn vị thi công lập hồ sơ hoàn công cùng phiếu yêu cầu nghiệm thu gửi chủ đầu tư.	
IV. Kiểm tra và trình nghiệm thu hồ sơ công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	6 ngày , kể từ khi chủ đầu tư đã tiến hành kiểm tra và nghiệm thu sơ bộ công trình tại hiện trường cùng các hồ sơ pháp lý nghiệm thu của công trình.	Chủ đầu tư kiểm tra tất cả hạng mục công trình hoàn thành và lập hồ sơ nghiệm thu gửi cho các phòng chức năng xem, kiểm tra (<i>01 bộ, trước 03 ngày/6 ngày</i>). - Hồ sơ gồm: Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu; Nhật ký công trình; Biên bản nghiệm thu khối lượng từng hạng mục; hồ sơ hoàn công, bản vẽ hoàn công; các kết quả thí nghiệm, kiểm định vật tư và kết cấu chịu lực (nếu có) và theo <i>Chương V của Nghị định số</i>	Theo Điều 11, Mục 1, chương II, Nghị định số 126/2004/NĐ-CP ngày 26/5/2004 về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý sử dụng nhà.

			<i>209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 về quản lý chất lượng công trình xây dựng.</i>	
V. Kiểm tra chất lượng hồ sơ hoàn thành công trình	Phòng Kinh tế hoặc Phòng Quản lý Đô thị	5 ngày , kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Phòng chức năng có trách nhiệm kiểm tra và thẩm định chất lượng hồ sơ công trình hoàn thành. Nếu công trình đủ điều kiện nghiệm thu thì phải lập Biên bản thống nhất nghiệm thu hồ sơ; Nếu công trình không đủ điều kiện thì phải có văn bản trả lời và yêu cầu chủ đầu tư bổ sung hồ sơ. <i>Lưu ý: Chỉ yêu cầu bổ sung hồ sơ 1 lần.</i>	
VI. Tổ chức nghiệm thu bàn giao công trình	Chủ đầu tư	6 ngày , kể từ khi công trình đã có Biên bản thống nhất nghiệm thu hồ sơ của phòng chức năng.	- Thực hiện theo <i>Điều 26 của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP, ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng.</i>	
VII. Làm thủ tục thanh toán vốn với Kho Bạc Nhà nước huyện	Chủ đầu tư	15 ngày , kể từ khi khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu.	- Lập thủ tục thanh toán cho từng khối lượng công việc hoàn thành và cho toàn bộ công trình khi được nghiệm thu bàn giao.	Theo Điều 18, Mục 1, Chương II, Nghị định số 126/2004/NĐ-CP ngày 26/5/2004 về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý sử dụng nhà.

VIII. Thanh toán vốn cho công trình	Kho bạc Nhà nước	7 ngày , kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Kho bạc Nhà nước huyện có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thanh toán vốn cho công trình theo đúng quy định.	
D. GIAI ĐOẠN KẾT THÚC DỰ ÁN				
I. Lập hồ sơ và trình duyệt quyết toán công trình	Chủ đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm B: 9 tháng - Nhóm C: 6 tháng - BCKTKT: 3 tháng (sau khi công trình nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng).	- Sau khi công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, Chủ đầu tư lập hồ sơ và trình duyệt quyết toán công trình. <i>(Điều 41, 42, 43 của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Phần III Thông tư số 33/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007 về hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành nguồn vốn nhà nước (có biểu mẫu báo cáo đính kèm) và Thông tư số 98/2007/TT-BTC ngày 09/8/2007 về sửa đổi, bổ sung một số điểm tại Thông tư số 33/2007/TT-BTC).</i>	Theo Điều 9, Điều 12 Mục 1, Chương II, Nghị định số 126/2004/NĐ-CP ngày 26/5/2004 về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý sử dụng nhà.
II. Thẩm tra và trình duyệt quyết toán công trình	P. Tài chính - Kế hoạch	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm C: < 4 tháng - BCKTKT: < 3 tháng (kể từ khi nhận đủ hồ sơ quyết toán).	- Phòng Tài chính - Kế hoạch là cơ quan đầu mối tiếp nhận, thẩm tra và trình duyệt quyết toán các công trình thuộc thẩm quyền của huyện.	

III. Làm thủ tục thanh toán vốn lần cuối với Kho bạc Nhà nước	Chủ đầu tư	4 ngày , kể từ khi có quyết định duyệt y quyết toán.	- Chủ đầu tư có trách nhiệm làm thủ tục thanh toán vốn lần cuối cho các đơn vị sau khi công trình được quyết toán. <i>(Thông tư số 27/2007/TT-BTC ngày 03/4/2007 về hướng dẫn quản lý, thanh toán vốn đầu tư và sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước)</i>	
IV. Thanh toán vốn lần cuối cho công trình	Kho bạc Nhà nước	7 ngày , kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Kho bạc Nhà nước huyện có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thanh toán vốn cho công trình theo đúng quy định.	
V. Kết thúc công trình	P. Tài chính - Kế hoạch	Sau khi chủ đầu tư thanh toán vốn lần cuối cho công trình.	- Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm tất toán công trình.	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÀN GIỜ

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 8.233.686

Fax: (84.8) 8.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

In tại Công ty TNHH 1 thành viên in Người Lao Động

Giá: 5.000 đồng